

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15167/BTC-KTN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2025

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính

Kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý Cơ quan góp ý dự thảo Nghị định và gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 15/10/2025** để tổng hợp, hoàn chỉnh Nghị định trình Chính phủ theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./. *d*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Vụ NSNN, Vụ PC, KBNN, Vụ I; Vụ ĐCTC, Cục QLNN&KTĐN, Cục QLGS&TKT, Cục QLGS&TLP, Cục KHTC, Cục QLCS;
- Lưu: VT, KTN (10 b). *đ*



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH**Về dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính**

Kính gửi: Chính phủ.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: *Thực hiện khoán quỹ lương gắn với mục tiêu tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị. Mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ.*

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 đã đặt ra: (i) Mục tiêu năm 2025 là tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước; đến năm 2030 là hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật để thể chế hóa các chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước; (ii) Về nhiệm vụ: Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước; sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh

phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra nhiệm vụ và giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững: *“... tập trung hoàn thiện pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước...”*¹

- Chủ trương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; chủ trương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị: *Trung ương tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; phân cấp, phân quyền đủ mạnh, đủ rõ, hợp lý các nhiệm vụ ở Trung ương đang thực hiện về cho địa phương theo đúng tinh thần “địa phương quyết định, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.*

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025 đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp về tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật².

b) Cơ sở pháp lý

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội đã được ban hành, đã sửa đổi tổng thể, toàn diện quy định pháp luật về ngân sách nhà nước; đã cụ thể hóa chủ trương đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, đảm bảo công khai, minh bạch; triệt để thực hiện phân cấp, phân quyền trong việc xây dựng cơ chế, chính sách thu, chi NSNN; xóa bỏ cơ chế xin – cho, phát sinh tiêu cực, thủ tục hành chính trong công tác quản lý, phân bổ NSNN.

2. Cơ sở thực tiễn

¹ Điểm 3 Phần IV Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022.

² Điểm 3.1 Điều 3 Nghị quyết số 158/2024/QH15

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 130, Nghị định 117). Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Sau hơn 15 năm triển khai thực hiện quy định về chế độ tự chủ trong quản lý biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, đến nay việc thực hiện cơ chế tự chủ đã thực hiện hầu hết ở các cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính cơ bản triển khai đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch về tài chính; thực hiện đầy đủ việc tiết kiệm kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức và chi các khoản khen thưởng, phúc lợi khác. Cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đã tăng quyền chủ động của các cơ quan trong quá trình sử dụng kinh phí đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, đến nay các cơ sở chính trị, pháp lý đã có nhiều thay đổi theo yêu cầu của Đảng, Nhà nước, phải đẩy mạnh cải cách tài chính hơn nữa đối với cơ quan hành chính nhà nước; cần ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 130, Nghị định số 117 để sửa đổi, bổ sung đảm bảo thống nhất đồng bộ với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương gắn với thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, rà soát, điều chỉnh theo hướng mở rộng quyền tự chủ cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong quản lý và sử dụng kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ...

Do đó, việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính (thay thế Nghị định số 130, Nghị định số 117) là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng và ban hành nhằm mục đích đảm bảo thống nhất đồng bộ với quy định của Luật Ngân sách nhà nước; sửa đổi các quy định để phù hợp với thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh giao quyền tự chủ; tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

a) Việc xây dựng dự thảo Nghị định đảm bảo cụ thể hóa kịp thời các chủ trương mới nhất của Đảng, Nhà nước hiện nay và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

b) Kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp tại Nghị định số 130, Nghị định số 117; đồng thời, rà soát bổ sung các nội dung mới đảm bảo đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ Tài chính đã có công văn số ... gửi lấy ý kiến các Bộ, địa phương về dự thảo Nghị định; đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính.

Đồng thời, Bộ Tài chính đã có công văn số gửi Văn phòng Chính phủ đề xuất bổ sung việc ban hành Nghị định này vào Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngày ..., Văn phòng Chính phủ có công văn số ... đồng ý bổ sung vào Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương về nội dung dự thảo Nghị định; Bộ Tài chính đã có công văn số gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 16 Điều như sau:

Điều 1, Điều 2: Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;

Điều 3, Điều 4: Giải thích từ ngữ; nguyên tắc, yêu cầu thực hiện cơ chế tự chủ về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính;

Điều 5. Nguồn kinh phí giao tự chủ;

Điều 6. Xác định phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ từ ngân sách nhà nước;

Điều 7. Nội dung chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ;

Điều 8. Điều chỉnh tổng kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ;

Điều 9. Nội dung tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quyết định mức chi tiêu; giao khoán, điều chỉnh nội dung chi trong phạm vi nguồn kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ; xác định và sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được;

Điều 10. Kinh phí chi quản lý hành chính không giao tự chủ; Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16: Quy định về lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, hạch toán và quyết toán kinh phí; trách nhiệm của cơ quan thực hiện tự chủ, trách nhiệm của các Bộ, địa phương, trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1 Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện so với Nghị định số 130, 117:

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung những nội dung chính gồm: (1) Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng áp dụng để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện hành và tình hình thực tế; (2) Sửa đổi quy định về nguồn kinh phí giao tự chủ, trong đó bỏ nguồn thu phí được để lại để phù hợp với Luật NSNN năm 2025 mới ban hành; (3) Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, bổ sung quy định thẩm quyền của các Bộ, địa phương trong việc quyết định định mức chi tiêu cụ thể phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước trong phạm vi dự toán kinh phí giao tự chủ được cơ quan có thẩm quyền giao, trừ một số tiêu chuẩn, chế độ chi cần thực hiện thống nhất trong toàn quốc; (4) Sửa đổi, bổ sung quy định về phân phối kinh phí tiết kiệm để phù hợp với tình hình thực tế.

Cụ thể một số nội dung chính sửa đổi, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định như sau:

2.1.1. Về đối tượng áp dụng (Điều 2):

- Dự thảo Nghị định kế thừa quy định đối tượng áp dụng tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP;

- Mở rộng đối tượng áp dụng bao gồm các cơ quan thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đảm bảo thống nhất, phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW (Nghị quyết số 18-NQ/TW đã nêu: “*thực hiện việc khoán kinh phí để phát huy tính tích cực, chủ động và tự chủ, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội*”);

- Đối tượng không áp dụng Nghị định:

+ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (như quy định hiện hành tại NĐ 130, 117);

+ Các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (bổ sung mới), lý do: các cơ quan này không thực hiện khoán chi hành chính.

- Sửa đổi từ “*Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp xã, phường, thị trấn*” thành “*Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp xã, phường, đặc khu*” để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành.

2.1.2. Về nguồn kinh phí giao tự chủ (Điều 5):

a) Quy định hiện hành:

Điều 5 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước cấp.
- Các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định.
- Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Dự thảo Nghị định bỏ quy định “các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định” do Luật NSNN năm 2025 đã quy định cơ quan hành chính nhà nước nộp toàn bộ phí thu được vào NSNN.

2.1.3. Xác định phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước (Điều 6)

a) Quy định hiện hành:

Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định phạm vi kinh phí quản lý hành chính từ nguồn ngân sách nhà nước giao tự chủ bao gồm:

- Quỹ tiền lương.
- Chi hoạt động thường xuyên theo định mức biên chế, chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.
- Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định.

b) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định:

Kinh phí quản lý hành chính giao cho các cơ quan thực hiện tự chủ được xác định và giao hàng năm bao gồm:

- Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Trường hợp cơ quan chưa được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thì thực hiện khoản quỹ tiền lương trên cơ sở biên chế được giao.
- Chi hoạt động thường xuyên theo định mức biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Trường hợp cơ quan chưa được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thì thực hiện khoản theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.
- Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định.

2.1.4. Nội dung tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quyết định định mức chi tiêu; giao khoán, điều chỉnh nội dung chi trong phạm vi nguồn kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ; xác định và sử dụng kinh phí quản lý hành chính

tiết kiệm được (Điều 9):

a) Dự thảo Nghị định bổ sung một số nội dung so với hiện hành như sau:

- Bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định định mức chi tiêu trong phạm vi dự toán kinh phí giao tự chủ:

+ *Đối với nội dung chi phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, trong phạm vi dự toán kinh phí giao tự chủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước để các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ thuộc phạm vi quản lý thực hiện, trừ một số tiêu chuẩn, chế độ chi cần thực hiện thống nhất trong toàn quốc, như: chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.*

+ *Được quyết định tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính nhà nước để sử dụng cho các hoạt động công vụ phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của các cơ quan.*

Lý do: Quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính nhà nước được quy định tại Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 168/2005/QĐ-TTg ngày 07/7/2005) đã được ban hành từ lâu, đến nay chưa có văn bản thay thế. Mặt khác, để phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và kỹ thuật hiện nay, việc giao quyền cho Thủ trưởng cơ quan đơn vị quyết định việc hỗ trợ để đáp ứng thực tế yêu cầu phục vụ hoạt động công vụ và điều kiện thực tế tại các cơ quan là phù hợp.

- Bổ sung về nguyên tắc chi bổ sung thu nhập: *Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí được phép chi trên đây, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức, người lao động (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc từng bộ phận trực thuộc), đồng thời có tính đến các chế độ, chính sách đặc thù về tăng thu nhập của cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị hiện nay để đảm bảo công bằng trong nội bộ mỗi cơ quan, đơn vị.*

Lý do: Hiện nay, chính sách thu nhập của cán bộ, công chức có nhiều thay đổi, đặc biệt trong bối cảnh triển khai thực hiện các Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW,...; trong đó: Người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số,... được hỗ trợ 5 triệu đồng/tháng; người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chiến lược, chính sách, xây dựng pháp luật tại một số cơ quan, đơn vị được hưởng hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp);... Theo đó, bổ sung nguyên chi trả thu nhập tăng thêm “có tính đến các chế độ, chính sách đặc thù

về tăng thu nhập của cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị hiện nay để đảm bảo công bằng trong nội bộ mỗi cơ quan, đơn vị”.

- Bổ sung quy định về số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập và chuyển sang năm sau để tiếp tục chi cho các hoạt động phúc lợi.

2.1.5. Các nội dung còn lại còn phù hợp tiếp tục kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định số 130 và Nghị định số 117:

- Quy định về sử dụng kinh phí giao tự chủ, như: Quy định về quyết định mức chi cụ thể; quy định về phân bổ, điều chỉnh kinh phí giữa các nhiệm vụ chi trong phạm vi kinh phí giao tự chủ; quy định về điều chỉnh tổng kinh phí giao tự chủ (trong đó có rà soát bổ sung việc điều chỉnh theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn); quy định về giao khoán toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động thường xuyên...

- Quy định về việc xác định kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính; sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được...

2.2 Nội dung bổ sung:

- Cụ thể hóa chủ trương nêu tại tiết đ, điểm 3.1, mục 3, phần II Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp:

“đ) Về cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao”.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, trong đó đã quy định: Các công việc được thực hiện thông qua ký hợp đồng trong đó có: Tổ chức xây dựng chính sách, hoạch định chính sách, chiến lược, chương trình, đề án khoa học, kinh tế, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số, phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số quốc gia, cải cách thể chế (Điều 4); đối tượng ký kết hợp đồng trong đó có Luật gia, luật sư, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ (Điều 5); Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng do ngân sách nhà nước bố trí tối đa bằng 10% tổng quỹ tiền lương (bao gồm lương và các khoản phụ cấp lương) và tiền thưởng của cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này và được dự toán trong ngân sách hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 13); Về thẩm quyền ký kết hợp đồng: Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định ký kết hợp đồng hoặc phân cấp, ủy quyền việc ký kết hợp đồng cho người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức được giao biên chế, kinh phí hoạt động, có con dấu và tài khoản riêng (Điều 8).

Theo đó, Nghị định số 173/2025/NĐ-CP đã cụ thể hóa được chủ trương nêu tại tiết đ, điểm 3.1, mục 3, phần II Nghị quyết số 27-NQ/TW. Vì vậy, tại Điều 10 dự thảo Nghị định bổ sung quy định: “*Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức*”.

- Bổ sung các hướng dẫn, quy định chi tiết, cụ thể tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 vào dự thảo Nghị định này.

Để giảm bớt đầu mối số lượng văn bản QPPL; các cơ quan, đơn vị có thể triển khai, áp dụng trực tiếp ngay sau khi Nghị định được ban hành và nâng cao tính pháp lý của các hướng dẫn, quy định chi tiết tại Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV, dự thảo Nghị định bổ sung các hướng dẫn, quy định chi tiết, cụ thể tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 vào dự thảo Nghị định này.

2.3 Nội dung lược bỏ: Dự kiến Nghị định không có nội dung lược bỏ.

2.4 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Các quy định về chế độ báo cáo tại dự thảo Nghị định không làm phát sinh tăng thủ tục hành chính và trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị so với hiện hành (chỉ nâng cấp quy định từ Thông tư lên Nghị định). Chế độ báo cáo này là cần thiết phục vụ công tác quản lý nhà nước, không thể cắt giảm.

2.5 Nội dung phân quyền, phân cấp.

Dự thảo Nghị định có 02 nội dung phân cấp, phân quyền:

1. Điều 2, Điều 6:

a. Căn cứ các kết luận³ của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp, thực hiện các Nghị quyết⁴ của Quốc hội, UBTWQH về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025, việc sáp nhập tỉnh, chấm dứt hoạt động của ĐVHC cấp huyện và sáp nhập cấp xã được thực hiện từ ngày 01/7/2025.

Ngày 12/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đồng thời, Bộ Tài chính có văn bản số 11113/BTC-NSNN ngày 21/7/2025 hướng dẫn một số nội dung về tài chính – NSNN áp dụng tại cấp xã. Theo đó quy định:

³ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

⁴ Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

- Đối với Văn phòng Đảng uỷ xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã là đơn vị dự toán cấp I của ngân sách xã.

- Đối với các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã: Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã xác định lựa chọn đơn vị được Ủy ban nhân dân xã giao dự toán (đơn vị dự toán cấp I) cho phù hợp.

b. Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, sửa đổi một số nội dung tại Điều 2, Điều 6 dự thảo Nghị định như sau:

- Điểm d khoản 1 Điều 2:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước có tài khoản và con dấu riêng (sau đây gọi tắt là cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ), bao gồm:

...d) Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Khoản 2 Điều 6:

“Điều 6. Xác định phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước

...2. Riêng đối với cấp xã, phường, đặc khu:

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ cách thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này để quyết định giao quyền tự chủ cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.”

2. Điều 9: Trong phạm vi kinh phí được giao tự chủ, Thủ trưởng cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ được quyết định mức chi cho từng nội dung công việc phù hợp với đặc thù của cơ quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi phù hợp để các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ thuộc phạm vi quản lý thực hiện. Nội dung này kế thừa quy định hiện hành, không phát sinh nội dung phân cấp, phân quyền mới.

2.6 Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền:

Nội dung này tổng hợp sau khi có ý kiến các Bộ, địa phương.

V. NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực

Dự kiến khi Nghị định được ban hành, các Bộ, địa phương và cơ quan có liên quan sử dụng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực hiện có để thực hiện,

không làm tăng biên chế.

2. Về điều kiện bảo đảm về nguồn tài chính

Điều kiện bảo đảm nguồn tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định theo quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật. Theo đó, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và cơ quan có liên quan căn cứ theo dự toán kinh phí được giao hàng năm để thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định, (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, (4) Bảng tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định).

Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, KTN (....bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có tài khoản và con dấu riêng (sau đây gọi tắt là cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ), bao gồm:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, Kiểm toán Nhà nước.
- Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính xem xét tự quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này.

3. Nghị định này không áp dụng đối với các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, *các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao được ngân sách nhà nước cấp kinh phí quản lý hành chính;*

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *“Kinh phí quản lý hành chính” quy định tại Nghị định này là nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc lĩnh vực “chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật” theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.*

2. *“Quy chế chi tiêu nội bộ” là quy định của cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định này về việc quản lý và sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao tự chủ.*

Điều 4. Nguyên tắc, yêu cầu thực hiện cơ chế tự chủ về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính

1. Bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
2. Không tăng biên chế được giao, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này.
3. Thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức và người lao động.

Chương II

CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Nguồn kinh phí giao tự chủ

Kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan nhà nước thực hiện tự chủ từ các nguồn sau:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp chi quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được xác định để giao tự chủ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.
2. Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).*

Điều 6. Xác định phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Kinh phí quản lý hành chính giao cho các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ được xác định và giao hàng năm bao gồm:

a) Quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên:

- Quỹ tiền lương *khoán* theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

Quỹ tiền lương khoán bao gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định).

- Chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Số biên chế được giao làm căn cứ thực hiện khoán quỹ tiền lương và chi thường xuyên theo định mức là số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Trường hợp cơ quan chưa được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thì thực hiện khoán quỹ tiền lương trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao; trường hợp lập thêm tổ chức hoặc được giao nhiệm vụ mới thì số biên chế để làm căn cứ thực hiện khoán quỹ lương và chi hoạt động thường xuyên được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị phương tiện làm việc, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định (trừ nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định này).

c) Các khoản chi nhiệm vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định, được đơn vị dự toán cấp I tổng hợp trong phương án phân bổ giao dự toán.

2. Riêng đối với cấp xã, phường, đặc khu:

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ cách thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này để quyết định giao quyền tự chủ cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 7. Nội dung chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ

1. Chi tiền lương, tiền công, *phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân* theo quy định hiện hành của Chính phủ về cơ chế tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước.

2. Chi tiền thưởng: Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua khen

thường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn: thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí trong nước, chi cho các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam, chi phí thuê mướn, chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành, *chi bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định (phần bố trí trong định mức chi thường xuyên).*

4. Các khoản chi đặc thù phát sinh thường xuyên hàng năm theo chức năng, nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phân bổ giao dự toán thực hiện;

5. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Điều chỉnh tổng kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ

1. Tổng kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Do điều chỉnh biên chế hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Do điều chỉnh nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Do điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính, điều chỉnh tỷ lệ phân bổ ngân sách nhà nước cho lĩnh vực chỉ hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Do nhà nước thay đổi chính sách tiền lương.

đ) Do điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Khi có phát sinh các yếu tố làm thay đổi mức kinh phí đã giao, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ có văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự toán kinh phí, giải trình chi tiết các yếu tố làm tăng, giảm dự toán kinh phí gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp I. Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương (đơn vị dự toán cấp I) xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, tổng hợp và lập dự toán chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định *theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.*

Điều 9. Nội dung tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quyết định định mức chi tiêu; giao khoán, điều chỉnh nội dung chi trong phạm vi nguồn

kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ; xác định và sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được

1. Quyết định định mức chi tiêu trong phạm vi dự toán kinh phí giao tự chủ

a) Đối với nội dung chi phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, trong phạm vi dự toán kinh phí giao tự chủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước để các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ thuộc phạm vi quản lý thực hiện; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định giao Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi phù hợp với khả năng quản lý và khả năng cân đối của ngân sách cấp xã; trừ một số tiêu chuẩn, chế độ chi cần thực hiện thống nhất trong toàn quốc, như: chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

b) Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, chế độ được cơ quan có thẩm quyền ban hành, trong phạm vi kinh phí được giao tự chủ, Thủ trưởng cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ:

- Được quyết định đối tượng, tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính nhà nước để sử dụng cho các hoạt động công vụ phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của các cơ quan.

- Được quyết định mức chi cho từng nội dung công việc phù hợp với đặc thù của cơ quan nhưng không được vượt quá chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ được vận dụng các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và phải được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ hoặc phải được Thủ trưởng cơ quan quyết định bằng văn bản trong trường hợp chưa được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ;

Việc quyết định các mức chi được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều này và thực hiện quản lý, giám sát chi tiêu theo Quy chế đã ban hành.

2. Trong phạm vi kinh phí được giao tự chủ, Thủ trưởng cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với các nội dung sau:

a) Bố trí kinh phí được giao tự chủ vào các mục chi cho phù hợp;

b) Điều chỉnh giữa các mục chi nếu xét thấy cần thiết. Riêng kinh phí thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh;

c) Quyết định giao khoán toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động thường xuyên cho từng bộ phận để chủ động thực hiện nhiệm vụ. Việc quản lý và sử dụng kinh phí khoán bảo đảm đúng quy trình kiểm soát chi và chứng từ, hóa đơn theo quy định của pháp luật, trừ một số khoản chi thực hiện khoán không cần hóa đơn theo quy định, gồm:

- Chi công tác phí;

- Chi tiền điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với các chức danh lãnh đạo;

- Chi văn phòng phẩm: Đơn vị căn cứ vào mức kinh phí thực hiện của năm trước liền kề, xây dựng mức khoán kinh phí văn phòng phẩm (bút, giấy, sổ, bì tài liệu...) theo đơn vị (Cục, Vụ, Phòng, Ban... chuyên môn), theo từng cá nhân, theo tháng, quý hoặc năm để thực hiện khoán.

d) Được quyết định sử dụng toàn bộ kinh phí tiết kiệm được theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

đ) Đối với các khoản thu khác: Cơ quan sử dụng các khoản thu khác theo đúng nội dung chi, mức chi nhưng không vượt quá mức chi do cơ quan có thẩm quyền quy định tại văn bản hướng dẫn sử dụng nguồn thu đó. Trường hợp mức chi chưa có quy định nhưng cần thiết để phục vụ công việc thì Thủ trưởng cơ quan được vận dụng các mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nhưng không được vượt quá mức chi tối đa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, hoặc phải được Thủ trưởng cơ quan quyết định bằng văn bản trong trường hợp chưa được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Xác định kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính

Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm.

- Các hoạt động, nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên giao thực hiện chế độ tự chủ, đã thực hiện xong đầy đủ nhiệm vụ, khối lượng theo dự toán được duyệt, đảm bảo chất lượng thì kinh phí chưa sử dụng hết là khoản kinh phí tiết kiệm.

- Các hoạt động, nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ nếu không thực hiện nhiệm vụ đã giao, không thực hiện đầy đủ số lượng, khối lượng công việc, hoặc thực hiện không đảm bảo chất lượng thì không được xác định là kinh phí tiết kiệm và phải nộp trả ngân sách nhà nước phần kinh phí không thực hiện; trường hợp

nhệm vụ chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (bao gồm cả trường hợp công việc đang thực hiện dở dang) thì chuyển số dư kinh phí sang năm sau để tiếp tục thực hiện công việc đó và được phân bổ vào kinh phí giao tự chủ của năm sau; đối với công việc đã thực hiện một phần thì được quyết toán phần kinh phí đã triển khai theo quy định.

4. Sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được

a) *Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, người lao động: Cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa không quá 1,0 lần so với quỹ tiền lương thực tế của cán bộ, công chức (không bao gồm các khoản phụ cấp theo lương; các khoản đóng góp theo lương nếu có) do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, người lao động. Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, cơ chế tiền lương, thu nhập thực hiện theo chính sách cải cách tiền lương mới.*

Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí được phép chi trên đây, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức, người lao động (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc từng bộ phận trực thuộc), đồng thời có tính đến các chế độ, chính sách đặc thù về tăng thu nhập của cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị hiện nay để đảm bảo công bằng trong nội bộ mỗi cơ quan, đơn vị.

b) *Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật thi đua khen thưởng;*

c) *Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của cán bộ, công chức, người lao động theo quy định của pháp luật; trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức, người lao động, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tình giãn biên chế; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam, ngày thương binh liệt sỹ, ngày quân đội nhân dân...); trợ cấp ăn trưa, chi đồng phục cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan; trợ cấp hiếu, hỷ, thăm hỏi ốm đau; chi khám sức khỏe định kỳ, thuốc y tế trong cơ quan; chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi;*

d) *Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động. Mức trích do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ quyết định, trong phạm vi kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được.*

đ) *Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập và chuyển sang năm sau để tiếp tục chi cho các hoạt động phúc lợi;*

e) Trong năm, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ được tạm ứng từ dự toán kinh phí quản lý hành chính đã giao thực hiện tự chủ để chi thu nhập tăng thêm, chi cho các hoạt động phúc lợi;

g) Thủ trưởng cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

5. Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công:

a) Để chủ động sử dụng kinh phí tự chủ được giao, quản lý sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có trách nhiệm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý sử dụng tài sản công theo nội dung hướng dẫn tại Mẫu số 01 kèm theo Nghị định này, làm căn cứ cho cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan thực hiện.

b) Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công do Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ ban hành và phải được công khai trong toàn cơ quan, phải gửi đến cơ quan quản lý cấp trên (đối với cơ quan thực hiện chế độ tự chủ là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc) hoặc cơ quan tài chính cùng cấp (đối với cơ quan thực hiện chế độ tự chủ không có đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc) để theo dõi, giám sát.

c) Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công cần tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực sau:

- Cử cán bộ, công chức và người lao động đi công tác trong nước, chế độ thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ, khoán phương tiện đi lại cho những trường hợp thường xuyên phải đi công tác;

- Quản lý, phân bổ kinh phí, sử dụng văn phòng phẩm trong các Vụ, Cục, Phòng, Ban hoặc các tổ chức tương đương thuộc cơ quan;

- Quản lý, sử dụng và phân bổ kinh phí thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại công vụ tại cơ quan cho từng đầu máy điện thoại hoặc từng đơn vị trong cơ quan; tiêu chuẩn, định mức sử dụng, thanh toán cước phí điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan;

- Quản lý, sử dụng và phân bổ kinh phí sử dụng ô tô, xăng dầu theo từng Vụ, Cục, Phòng, Ban hoặc các tổ chức tương đương thuộc cơ quan;

- Quản lý và sử dụng máy điều hòa nhiệt độ, sử dụng điện thấp sáng;

- Nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù.

d) Khi xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ phải căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tình hình

thực hiện của các Vụ, Cục, Phòng, Ban hoặc các tổ chức tương đương trong thời gian qua, khả năng nguồn kinh phí được giao để quy định. Mức chi, chế độ chi, tiêu chuẩn định mức hoặc chế độ khoán trong Quy chế chi tiêu nội bộ không được vượt quá chế độ, định mức, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

đ) Trường hợp Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan xây dựng vượt quá chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan tài chính có trách nhiệm yêu cầu cơ quan ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh lại cho phù hợp.

e) Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, cơ quan phải bảo đảm có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định (trừ các khoản kinh phí khoán theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này).

Điều 10. Kinh phí chi quản lý hành chính không giao tự chủ

1. Ngoài kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, hàng năm cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ còn được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí chi quản lý hành chính để thực hiện một số nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao, bao gồm:

a) Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác.

- Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có giá trị lớn mà kinh phí chi thường xuyên theo định mức không đáp ứng được và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch.

- Chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác từ nguồn chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

- Kinh phí thực hiện đề án cấp trang thiết bị và phương tiện làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

b) Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

c) Chi đóng niên liễm, vốn đối ứng các dự án theo hiệp định với các tổ chức quốc tế;

d) Chi thực hiện các nhiệm vụ có tính chất đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao sau thời điểm cơ quan đã được giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ.

- Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí hỗ trợ, bồi dưỡng, phụ cấp cho tổ chức, cá nhân ngoài cơ quan đã có chế độ của Nhà nước quy định.

- Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án theo quy định;

e) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế; kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

g) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

h) Kinh phí nghiên cứu khoa học, kinh phí sự nghiệp kinh tế, kinh phí sự nghiệp môi trường, kinh phí sự nghiệp khác theo quy định từng lĩnh vực (nếu có), kinh phí sự nghiệp bảo đảm xã hội;

i) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí quy định tại Điều này thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 11. Lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, hạch toán và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, hạch toán và quyết toán thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nghị định này hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Về lập dự toán:

Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn lập dự toán của Bộ Tài chính và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ của năm trước và dự kiến cho năm kế hoạch, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ lập dự toán ngân sách theo đúng quy định, trong đó xác định và thể hiện rõ dự toán chi ngân sách quản lý hành chính để nghị giao thực hiện chế độ tự chủ và dự toán chi ngân sách giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ;

có thuyết minh chi tiết theo nội dung công việc, gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp. Đơn vị dự toán cấp I tổng hợp và chịu trách nhiệm về hồ sơ, số liệu báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

Biểu mẫu lập dự toán thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

2. Về kiểm tra, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị dự toán cấp I phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ chi tiết theo hai phần: Phần dự toán chi ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ và phần dự toán chi ngân sách nhà nước giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ; gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

Đối với cơ quan không có đơn vị dự toán trực thuộc, căn cứ vào dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ phân bổ dự toán được giao theo hai phần: Phần dự toán chi ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ và phần dự toán chi ngân sách nhà nước giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định.

Đối với phần kinh phí tự chủ phân bổ và ghi rõ kinh phí thực hiện từng hoạt động nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên theo dự toán, số lượng, khối lượng được duyệt.

Đối với phần kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ phân bổ rõ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ (mua sắm, sửa chữa lớn, chi hoạt động nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ không thực hiện chế độ tự chủ khác theo quy định tại Điều 10 Nghị định này).

Biểu mẫu phân bổ dự toán thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

b) Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Khi rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ phải ghi rõ nội dung chi thuộc nguồn kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ, nguồn kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ.

3. Về tạm chi thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi và chi khen thưởng:

3.1. Trong năm, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ được tạm chi từ dự toán đã giao thực hiện chế độ tự chủ để chi thu nhập tăng thêm, chi cho các hoạt động phúc lợi.

3.2. Mức tạm chi:

a) Để động viên cán bộ, công chức và người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; căn cứ tình hình thực hiện của quý trước, nếu xét thấy cơ quan có khả năng tiết kiệm được kinh phí; Thủ trưởng cơ quan căn cứ vào số kinh phí có thể tiết kiệm được để quyết định tạm chi trước thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan theo quý. Mức tạm chi hàng quý tối đa không quá 60% quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định trong một quý của cơ quan;

b) Trong năm, Thủ trưởng cơ quan căn cứ vào số kinh phí có khả năng tiết kiệm được để quyết định tạm chi trước đối với các hoạt động phúc lợi, chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân và hạch toán theo dõi khoản tạm chi;

c) Kết thúc năm, trước ngày 31/01 năm sau, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ phải lập báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ quan mình gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, trong đó cần báo cáo đánh giá rõ các nội dung đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện (dự toán giao; khối lượng, số lượng; chất lượng công việc thực hiện);

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao dự toán nhưng không thực hiện;

Trên cơ sở báo cáo nêu trên cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ tự xác định số kinh phí tiết kiệm được của năm trước để thanh toán thu nhập tăng thêm theo chế độ quy định. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán thu nhập tăng thêm cho cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ (bao gồm cả thanh toán số đã tạm chi và thanh toán trực tiếp); quyết toán số tạm chi đối với các hoạt động phúc lợi, khen thưởng.

Khi quyết toán của cơ quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số kinh phí thực tiết kiệm cao hơn, cơ quan được tiếp tục chi trả thu nhập tăng thêm hoặc chi các hoạt động phúc lợi, chi khen thưởng theo chế độ quy định. Trường hợp số kinh phí tiết kiệm thấp hơn số cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ xác định, căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền và đề nghị của cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ, thì Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thu hồi bằng cách trừ vào kinh phí tiết kiệm năm tiếp theo của cơ quan.

4. Về hạch toán kế toán:

a) Việc hạch toán kế toán thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn, được hạch toán vào các mục chi của mục lục ngân sách theo quy định hiện hành.

b) Đối với một số khoản chi từ nguồn kinh phí tiết kiệm được hạch toán như sau: Khoản chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, hạch toán vào mục 6400-các khoản thanh toán khác cho cá nhân, tiểu mục 6404-chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ; khoản chi khen

thường, hạch toán vào mục 6200-tiền thưởng, tiểu mục 6249-khác; khoản chi phúc lợi và trợ cấp thêm ngoài những chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ việc trong quá trình tổ chức sắp xếp lại lao động, hạch toán vào mục 6250-phúc lợi tập thể, tiểu mục 6299-khác của mục lục ngân sách nhà nước.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao; thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính; ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức thảo luận dân chủ, thống nhất trong cơ quan nhằm thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính trong việc quản lý và sử dụng kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan theo quy định về công khai ngân sách và công khai tại hội nghị cán bộ công nhân viên chức; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức trong cơ quan được tham gia thực hiện và giám sát thực hiện phương án sử dụng kinh phí theo quy định của Nhà nước.

3. Hàng năm, cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo *Mẫu số 02 kèm theo Nghị định này*.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Căn cứ vào biên chế và kinh phí quản lý hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các đơn vị dự toán trực thuộc gồm hai phần: Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ và kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định này và các văn bản hướng dẫn Nghị định.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định này của các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Có biện pháp giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo *Mẫu số 03 kèm theo Nghị định này về Bộ Tài chính*.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 15. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

a) *Đảm bảo cho các đơn vị thực hiện chế độ tự chủ rút dự toán kinh phí được nhanh chóng và thuận tiện.*

b) *Kho bạc Nhà nước thực hiện chi ngân sách theo quy định tại Luật NSNN 2025 và các văn bản hướng dẫn, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có”.*

c) *Cuối năm, thực hiện chuyển số kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (trừ các khoản không được phép chuyển sang năm sau), kinh phí tiết kiệm chưa sử dụng hết chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập sang năm sau tiếp tục sử dụng.*

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Các văn bản sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

- *Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

- *Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

- *Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.*

- *Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2002 sửa đổi Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ;*

- *Quyết định số 168/2005/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh*

đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thông tư số 29/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg;

- Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

2. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: Bộ trưởng CN, các Phó CN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Mẫu số 01**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG XÂY DỰNG QUY CHẾ QUY CHỈ TIÊU NỘI BỘ, QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ***(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ)*

Bản quy chế chỉ tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công do cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ xây dựng bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Mục đích xây dựng quy chế:

Nêu rõ xây dựng quy chế để đạt được mục đích gì? như:

- Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng cơ quan;

- Tạo quyền chủ động cho cán bộ, công chức trong cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả;

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu.

2. Nguyên tắc xây dựng quy chế:

Khi xây dựng quy chế phải bảo đảm được một số nguyên tắc sau:

a) Không được vượt quá chế độ chi hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định;

b) Phải phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị;

c) Phải bảo đảm cho cơ quan và cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d) Phải bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động;

đ) Mọi việc chi tiêu phải bảo đảm có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp;

e) Phải được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong cơ quan;

3. Căn cứ để xây dựng quy chế:

Xây dựng quy chế cần dựa vào căn cứ sau:

a) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tài chính hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Căn cứ tình hình thực hiện qua các năm về chỉ tiêu và sử dụng tài sản tại cơ quan (từng Vụ, Cục, Phòng, Ban...);

c) Căn cứ vào chương trình, kế hoạch các nhiệm vụ được giao trong năm;

d) Dự toán chi ngân sách được giao thực hiện chế độ tự chủ.

4. Nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

Cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ xây dựng Quy chế ở một số lĩnh vực chủ yếu sau:

a) Về sử dụng văn phòng phẩm:

- Căn cứ mức sử dụng văn phòng phẩm (bút viết, bút phũ, giấy phô tô, mực in, mực máy photocopy, cặp đựng tài liệu ...) của từng chức danh công chức hoặc của từng Vụ, Cục, Phòng, Ban... chuyên môn hoặc nhóm công tác trong cơ quan 1 hoặc 2 năm trước để xác định mức khoán bằng tiền (hoặc hiện vật) cho phù hợp.

- Cơ quan có thể xây dựng mức khoán sử dụng văn phòng phẩm cho từng Vụ, Cục, Phòng, Ban trong đơn vị, quy định thời gian sử dụng, cấp mới đối với một số loại văn phòng phẩm.

b) Về sử dụng ô tô phục vụ công tác:

- Căn cứ vào yêu cầu công tác của từng Vụ, Cục, Phòng, Ban.. và thực tế sử dụng xăng xe đi công tác trong 1 - 2 năm vừa qua để xây dựng mức giao khoán kinh phí sử dụng xăng xe cho từng đơn vị cho phù hợp.

- Quy định các trường hợp, đối tượng được sử dụng xe công khi đi công tác; quy định việc xử lý đối với các trường hợp sử dụng xe không đúng quy định.

c) Về sử dụng điện thoại:

- Về sử dụng điện thoại tại công sở:

Căn cứ thực tế cước phí sử dụng điện thoại tại cơ quan trong 1 - 2 năm trước để xây dựng mức khoán kinh phí thanh toán cước sử dụng điện thoại tại cơ quan cho phù hợp với từng đầu máy điện thoại hoặc theo từng đơn vị (Vụ, Cục, Phòng, Ban..).

- Về sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động:

Thủ trưởng cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ quyết định đối tượng, tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính nhà nước để sử dụng cho các hoạt động công vụ phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của các cơ quan.

d) Về sử dụng điện trong cơ quan:

Quy định về sử dụng máy điều hòa nhiệt độ, điện thắp sáng như: Khi nhiệt độ ngoài trời cao bao nhiêu mới được sử dụng điều hòa nhiệt độ, ra khỏi phòng làm việc phải tắt máy điều hòa, ra về phải tắt hết điện trong phòng (trừ trường hợp đặc biệt).

đ) Quy định thanh toán công tác phí:

Quy định về cử cán bộ, công chức, người lao động đi công tác trong nước, chế độ thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại.

e) Các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ (bao gồm cả các nhiệm vụ đặc thù): Quy định nội dung chi, mức chi.

g) Về trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức:

- Căn cứ vào số tiết kiệm được của năm trước và khả năng tiết kiệm được của năm kế hoạch để xây dựng phương án trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, người lao động.

- Phương án trả thu nhập tăng thêm có thể trả trực tiếp cho từng cán bộ, công chức, người lao động hoặc trả cho từng bộ phận (Vụ, Cục, Phòng, Ban..) để các bộ phận đó chi trả trực tiếp cho cán bộ, công chức, người lao động.

- Phương án trả thu nhập tăng thêm dựa trên hiệu suất công tác của từng cán bộ, công chức, người lao động hoặc từng bộ phận (Vụ, Cục, Phòng, Ban..) được phân loại bình bầu theo A, B, C...(hoặc chấm điểm theo các nhiệm vụ hoàn thành công việc trong năm); lương ngạch, bậc, chức vụ. Từ đó xây dựng hệ số trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức.

5. Quy định việc xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi sử dụng vượt mức khoán:

a) Căn cứ vào các mức khoán chi trong quy chế chi tiêu nội bộ đã khoán cho cá nhân hoặc các Vụ, Cục, Phòng, Ban; cuối tháng hoặc cuối quý, trên cơ sở kết quả thực hiện:

- Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ có liên quan đến các lĩnh vực đã có quy định của nhà nước thì xử lý theo quy định hiện hành.

- Nếu vi phạm vượt định mức quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ đối với những lĩnh vực chưa có quy định của nhà nước thì đơn vị phải chịu trách nhiệm xử lý hoặc phải trừ vào kinh phí tiết kiệm năm sau.

b) Quy định các trường hợp sử dụng vượt mức giao khoán thì được xem xét bổ sung thêm mức giao khoán, cấp duyệt bổ sung mức giao khoán; các trường hợp vượt phải thu hồi từ cá nhân nộp lại công quỹ; trường hợp vượt phải giảm trừ tiết kiệm năm sau...

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ .../2025/NĐ-CP NGÀY ... /2025 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.
- ...

II/ Đánh giá cụ thể:**1. Kinh phí quản lý hành chính được giao: (tổng số)**

Trong đó:

* Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ :.....đồng, trong đó:

- Số kinh phí thực hiện:.....đồng
- Số kinh phí tiết kiệm được:.....đồng

Trong đó:

+ Tiết kiệm chi quỹ lương:

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): ...

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (Tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:..... %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ
..... đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần báo cáo đánh giá theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện: Đánh giá theo từng nhiệm vụ (dự toán giao; khối lượng, chất lượng công việc thực hiện);

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong: Tên nhiệm vụ, dự toán đã giao, số chưa thực hiện, lý do chưa thực hiện.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

2/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ công chức và người lao động:..... đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần/tháng.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất đ/tháng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất đ/tháng

- Trích Quỹ và các khoản chi khác: đồng

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

- ...

- ...

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... , ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

ĐƠN VỊ

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH
SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Dùng cho: Các đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp, các địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.
- ...

II/ Đánh giá cụ thể:

1/ Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp tỉnh:
 - + Số lượng Sở, Ban, ngành cấp tỉnh:
 - + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cơ quan cấp xã, phường, đặc khu:
 - + Số lượng cơ quan chuyên môn cấp xã, phường, đặc khu:
 - + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cấp xã:
 - + Số lượng xã:
 - + Số đã được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

2/ Về kinh phí:

a/ Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số)

Trong đó:

- * Kinh phí thực hiện tự chủ:..... đồng
- Số kinh phí thực hiện:..... đồng
- Số kinh phí tiết kiệm được:..... đồng
- + Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)
- + Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương)

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí:.....đơn vị

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:.....%

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất:.....%

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần tổng hợp báo cáo theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện.

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

b/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần..... đơn vị

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là/tháng (tên đơn vị);

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là /tháng (tên đơn vị).

- Trích Quỹ và các khoản chi khác:

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

...

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

.....

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

.....

(Biểu mẫu số liệu báo cáo theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo)

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... , ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Địa phương....

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ/ND-CP NGÀY /2025 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM.....

[illegible]

Địa phương....

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

Tên Bộ, cơ quan trung ương

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 2025/NĐ-CP NGÀY .../2025 CỦA CHÍNH PHỦ
Năm

Don v. Intu ding

[illegible]

**BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP
VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CƠ CHẾ TỰ
CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**

**I. CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC HIỆN
NAY VỀ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ
76/NQ-CP.**

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 76/NQ-CP) tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa chủ trương, chiến lược về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ.

Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, mục tiêu của cải cách tài chính công là đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị; cụ thể:

- Về mục tiêu:

+ Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 là tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

+ Mục tiêu đến năm 2030 là hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật để thể chế hóa các chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước.

- Về nhiệm vụ: Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước; sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

**II. VIỆC THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA
ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ
ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 76/NQ-CP.**

1. Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 192/2001/QĐ-

TTg ngày 12/12/2001 về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Sau thời gian thí điểm, Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 130, Nghị định 117).

Thực hiện quy định tại Nghị định số 117, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước (thay thế Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước). Văn bản hướng dẫn này đã góp phần bảo đảm tính khả thi trong quy định của Nghị định số 130, Nghị định số 117 trong thời gian qua.

Về cơ bản, quá trình triển khai thực hiện cải cách tài chính công đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định 130, Nghị định 117 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện ổn định trong thời gian dài.

2. Quá trình rà soát, cập nhật chủ trương của Đảng và Nhà nước liên quan đến cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước:

a. Giai đoạn 2014-2017

Năm 2018 Bộ Tài chính đã thực hiện tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 130, Nghị định số 117 trong giai đoạn 2014-2017. Trên cơ sở báo cáo tổng kết và đề xuất của các Bộ, địa phương giai đoạn 2014-2017, Bộ Tài chính đã có báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ: *Tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP đến hết năm 2020, Bộ Tài chính tổng kết, đánh giá chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Nghị quyết số 39-NQ/TW, số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW) trình Chính phủ ban hành để thực hiện từ năm 2021.*

b. Giai đoạn 2018-2023

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 200/TTr-BTC ngày

29/10/2020 trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính (thay thế Nghị định số 130, Nghị định số 117) với 04 chính sách mới¹; đề nghị của Bộ Tài chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 28/01/2021 về thông qua đề nghị xây dựng Nghị định.

Tuy nhiên, tại thời điểm năm 2021, các cấp có thẩm quyền đã quyết định dời thời gian thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27/NQ-TW và nhiều văn bản có liên quan đến chính sách mới được lãnh đạo Bộ chỉ đạo bổ sung vào Nghị định (Luật phí, lệ phí và Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016; cơ chế tài chính gắn với hoạt động đặc thù đơn vị được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;...). Do đó Bộ Tài chính đã có văn trình Thủ tướng cho phép rút Nghị định ra khỏi chương trình công tác năm 2021². Việc xây dựng Nghị định sẽ thực hiện sau khi chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành để triển khai Nghị quyết số 27/NQ-TW.

c. Năm 2024 đến nay

Tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 đã quy định: *“Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW... Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: Bãi bỏ tất cả các cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước...”*. Vì vậy, Bộ Tài chính đã đăng ký vào Chương trình công tác của Chính phủ năm 2024 việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 130, Nghị định số 117³.

Tuy nhiên, đến tháng 6/2024 các căn cứ pháp lý tiếp tục có thay đổi. Ngày 21/6/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 83-KL-TW ngày 21/6/2024 về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 1/7/2024 trong đó Bộ Chính trị quyết định thực hiện 7 nội dung đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Tuy vậy, liên quan đến 4 chính sách tại Nghị định thay thế Nghị định số 130 và Nghị định số 117, có nội dung về cải cách chính sách tiền lương nêu trên chưa được Bộ Chính trị thông qua hoặc có sự điều chỉnh so với thời điểm Bộ Tài chính trình Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Nghị định năm 2020. Đồng thời, hiện nay Bộ Tài chính đang rà soát đề

¹ (1) Phạm vi kinh phí giao tự chủ từ nguồn chi quản lý hành chính thuộc ngân sách nhà nước để xác định kinh phí tiết kiệm; (2) Bổ sung nội dung chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt từ nguồn quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên (kinh phí quản lý hành chính) được giao hàng năm; (3) Quy định thẩm quyền của các địa phương trong việc quyết định mức chi tiêu cụ thể phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước trong phạm vi dự toán kinh phí giao tự chủ được cơ quan có thẩm quyền giao, trừ một số tiêu chuẩn, chế độ chi cần thực hiện thống nhất trong toàn quốc; (4) Sửa đổi, bổ sung quy định về phân phối kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính để phù hợp với tình hình thực tế.

² Bộ Tài chính có văn bản số 11937/BTC-HCSN ngày 19/10/2021 trình TTCP và đã được TTCP đồng ý tại văn bản số 8255/VPCP-KTTH ngày 11/11/2021 của VPCP.

³ Tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 giao Bộ Tài chính chủ trì, xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính thay thế Nghị định số 130/2005/NĐCP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2024.

sửa đổi tổng thể Luật Ngân sách nhà nước, vì vậy Bộ Tài chính đã có văn bản số 12488/BTC-PC đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép rút khỏi Chương trình công tác năm 2024 đối với Nghị định. Đề xuất trên đã được Văn phòng Chính phủ thống nhất, không đưa vào CTCT năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

III. VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC GIAI ĐOẠN 2014-2024

Tổng hợp báo cáo đánh giá, tổng kết hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương về việc thực hiện Nghị định số 130, Nghị định số 117 như sau:

1. Về đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính

Theo quy định tại Nghị định số 130, Nghị định số 117, đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính bao gồm: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan hành chính khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính căn cứ vào chế độ tự chủ quy định tại Nghị định số 130, Nghị định số 117 để xem xét tự quyết định việc thực hiện chế độ tự chủ.

Ngoài ra, tại trung ương hiện nay có khoảng 34 cơ quan quản lý hành chính nhà nước được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù (một số quy định về chế độ tài chính khác với Nghị định số 130, Nghị định số 117) thuộc 15 Bộ, cơ quan trung ương (Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền Thông, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ...).

1.1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương

Theo báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, 100% các đơn vị hành chính nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính (trừ các cơ quan thực hiện cơ chế tài chính đặc thù nêu trên); cụ thể các năm như sau:

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, tỷ lệ đơn vị thực hiện Nghị định số 130, Nghị định số 117 năm 2014 là 99,7%; năm 2015 là 99,96%, năm 2016-2024 là 100%. Tỷ lệ các đơn vị thực hiện Nghị định số 130, Nghị định số 117 tăng dần từ năm 2014 cho đến năm 2016-2024 là 100% (do từ năm 2016, 2017 có thêm Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội thực hiện cơ chế tự chủ).

1.2. Đối với các địa phương

- Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, thành phố

Theo báo cáo của các địa phương, trung bình giai đoạn 2014-2024 khoảng 98,32% các đơn vị cấp tỉnh (các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội) thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

- Đối với các cơ quan thuộc cấp quận, huyện

Theo báo cáo của các địa phương, trung bình giai đoạn 2014-2024 khoảng 95,88% các đơn vị cấp huyện (các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội) thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

- Đối với ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn

Theo quy định tại Nghị định số 130, việc thực hiện chế độ tự chủ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào các quy định tại Nghị định này, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và điều kiện thực tế tại địa phương để quyết định; đến giai đoạn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117 đã mở rộng thực hiện cơ chế tự chủ đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, theo số liệu báo cáo của các địa phương, do Nghị định số 117/2013/NĐ-CP mới triển khai đối với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nên tỷ lệ thực hiện còn hạn chế, trung bình giai đoạn 2014-2024 khoảng 72,55% (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

2. Về tự chủ trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính

2.1 Đối với các Bộ, cơ quan trung ương

- Về kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí chi quản lý hành chính: Theo số liệu báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, tỷ lệ kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí được giao chi quản lý hành chính trung bình 72,94%/năm (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

- Về tiết kiệm kinh phí giao tự chủ: Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm/kinh phí quản lý hành chính được giao tự chủ của các Bộ, cơ quan trung ương trung bình khoảng 8,37%, tỷ lệ này ổn định qua các năm. Kinh phí tiết kiệm chủ yếu từ kinh phí của sổ biên chế chưa tuyển đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao và tập trung vào các Bộ, cơ quan trung ương có nguồn kinh phí được trích lại theo quy định của pháp luật (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ) và một số ít các đơn vị có nguồn thu phí được để lại theo quy định (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

2.2. Đối với các cơ quan địa phương

- Về kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí chi quản lý hành chính: Tỷ lệ kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí chi quản lý hành chính của các địa phương trung bình khoảng 51,52%. Tỷ lệ này có xu hướng tăng trong giai đoạn 2021-2024 (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

- Về tiết kiệm kinh phí giao tự chủ: Theo số liệu báo cáo của các địa phương, tỷ lệ kinh phí tiết kiệm/kinh phí quản lý hành chính được giao tự chủ

của các địa phương trung bình khoảng 6,91%. Một số địa phương có tỷ lệ kinh phí tiết kiệm/kinh phí quản lý hành chính được giao tự chủ cao hơn tỷ lệ trung bình thường (ví dụ một số địa phương đạt tỷ lệ trên 10% như: Thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,...; thậm chí trên 20% như: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Kiên Giang,...) là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, có nguồn thu ngân sách địa phương lớn nên có khả năng phân bổ định mức chi quản lý hành chính để giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cho các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý cao hơn các địa phương khác, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước của địa phương thực hiện nhiệm vụ và tiết kiệm được kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

3. Về kinh phí tiết kiệm và chi trả thu nhập tăng thêm của các đơn vị thực hiện chế độ tự chủ

3.1 Đối với các Bộ, cơ quan trung ương

- Tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện chế độ tự chủ: Theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các Bộ, cơ quan trung ương, tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm kinh phí/số đơn vị được giao tự chủ trung bình giai đoạn 2014-2018 là 73,01%, tỷ lệ này biến động giữa các năm chủ yếu do các Bộ, cơ quan trung ương báo cáo không đầy đủ số liệu đơn vị có kinh phí tiết kiệm. Năm 2017 tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ của các Bộ giảm so với năm 2016 theo phản ánh của nhiều đơn vị: Trước năm 2017, các đơn vị giao dự toán riêng từ kinh phí không thực hiện tự chủ cho các nội dung như: mua sắm tài sản, chi đoàn ra, nhiệm vụ đặc thù riêng từng ngành; từ năm 2017 các khoản chi này cơ bản được kết cấu vào định mức phân bổ dự toán năm 2017 nên phải ưu tiên thực hiện nhiệm vụ nên kinh phí tiết kiệm thấp. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương, thì hầu hết các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130 có kinh phí tiết kiệm chủ yếu từ nguồn quỹ tiền lương của số biên chế chưa tuyển đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao; trong khi các Bộ phải thực hiện giảm biên chế hàng năm theo quy định tại Nghị quyết của Bộ Chính trị (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

- Về chi thu nhập tăng thêm:

Theo báo cáo, các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ có mức chi thu nhập tăng thêm chủ yếu ở mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương (trung bình giai đoạn 2014-2024 là 62,03%); mức chi thu nhập tăng thêm trên 0,4 lần tiền lương chiếm tỷ lệ nhỏ (trung bình giai đoạn 2014-2024 là 6,66%), phụ thuộc vào tình hình thực hiện nhiệm vụ cụ thể hàng năm của mỗi đơn vị.

Những cơ quan nhà nước có mức thu nhập tăng thêm cao chủ yếu là những cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính đặc thù ở 12 Bộ, cơ quan trung ương có nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu từ nguồn thu phí được để lại và nguồn thu dịch vụ, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước (nếu có) và trích lập các quỹ theo quy định, một số ít đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm thực tế đạt 2 đến 3 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ (Cục Tàn số vô tuyến điện 2 lần, Cục Viễn thông 2 lần, Cảng vụ hàng không miền Trung 2,09 lần, Cục Sở hữu trí tuệ 3 lần), còn lại

phần lớn các đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm thực tế dưới 2 lần hoặc dưới 1 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ (như các cảng vụ hàng hải, các cảng vụ đường thủy nội địa, Cục Thú y, Cục Bảo vệ thực vật) (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

3.2 Đối với các địa phương

- Tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện chế độ tự chủ:

Theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện chế độ tự chủ của các địa phương trung bình giai đoạn 2014-2024 khoảng 50,23% (*chi tiết số liệu các năm theo phụ lục kèm theo*).

- Về chi thu nhập tăng thêm:

Theo báo cáo của các địa phương, các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ có mức chi thu nhập tăng thêm chủ yếu ở mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương (trung bình giai đoạn 2014-2024 khoảng 52,17%); mức chi thu nhập tăng thêm trên 0,4 lần tiền lương chiếm tỷ lệ nhỏ (trung bình giai đoạn 2014-2024 khoảng 7,75%), phụ thuộc vào tình hình thực hiện nhiệm vụ cụ thể hàng năm của mỗi đơn vị.

4. Về tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công để chủ động sử dụng kinh phí được giao tự chủ

Theo báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công là căn cứ để các cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, chi tiêu minh bạch, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong các cơ quan, đơn vị khi các nội dung chi được đưa ra thảo luận trước tập thể cán bộ, công chức và người lao động để thống nhất thực hiện. Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công giúp nâng cao ý thức sử dụng tài sản công, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; đồng thời làm căn cứ để lãnh đạo, cán bộ công chức và người lao động tổ chức giám sát việc sử dụng kinh phí, tài sản đúng mục đích, ngăn chặn những trường hợp chi tiêu không đúng mục đích, không có hiệu quả.

Tuy nhiên, một số đơn vị chưa tích cực xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; nội dung quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công còn sơ sài, chưa phù hợp với thực tế và chưa sát với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, chưa linh hoạt cập nhật các căn cứ, các quy định chế độ chi tiêu hiện hành. Lý do của việc chậm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, chậm xây dựng quy chế quản lý tài sản công ở một số đơn vị là do một số đơn vị còn lúng túng trong việc xây dựng các định mức như: sử dụng văn phòng phẩm, vật tư, điện, nước...; một số ủy ban nhân dân xã giai đoạn đầu triển khai thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP còn chậm; các đơn vị chưa mạnh dạn trong việc xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để chi trả thu nhập tăng thêm theo kết quả thực hiện công việc như hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV.

5. Về công tác chấp hành báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ

Theo báo cáo của một số Bộ, địa phương, công tác chấp hành chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan còn chậm so với quy định, số liệu báo cáo

chưa đầy đủ, chưa chính xác làm ảnh hưởng đến công tác tổng hợp báo cáo chung của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Sau hơn 15 năm triển khai thực hiện quy định về chế độ tự chủ trong quản lý biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, đến nay việc thực hiện cơ chế tự chủ đã thực hiện hầu hết ở các cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh, cấp huyện. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính cơ bản triển khai đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch về tài chính; thực hiện đầy đủ việc tiết kiệm kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức và chi các khoản khen thưởng, phúc lợi khác. Cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đã tăng quyền chủ động của các cơ quan trong quá trình chi tiêu, thực hiện nhiệm vụ.

Những kết quả, ưu điểm đạt được giai đoạn 2014-2024 đã từng bước góp phần đạt được mục tiêu chung về cải cách tài chính công theo Nghị quyết số 76/NQ-CP, tăng cường khoán chi, tạo chủ động cho cơ quan đơn vị trong việc sử dụng kinh phí đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cụ thể một số nội dung như sau:

- Cơ chế tự chủ đã từng bước hạn chế tình trạng cơ quan chủ quản cấp trên can thiệp quá sâu vào công việc của cơ quan cấp dưới cũng như hạn chế sự thụ động của cấp dưới chờ ý kiến chỉ đạo của cấp trên mới triển khai thực hiện.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã được giao quyền chủ động phân bổ, điều chỉnh kinh phí được giao tự chủ giữa các nhiệm vụ để kịp thời, linh hoạt trong triển khai, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, từ đó công việc được giải quyết nhanh, chủ động hơn. Kinh phí tự chủ còn dư cuối năm được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng cho những nhiệm vụ cụ thể đã hạn chế tình trạng dồn kinh phí quyết toán cuối năm.

- Chủ động quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả từng bước nâng cao đời sống của cán bộ, công chức. Do được chủ động sử dụng kinh phí được giao, kinh phí tiết kiệm cuối năm được bổ sung thu nhập tăng thêm, chi khen thưởng, phúc lợi tập thể cho cán bộ, công chức đã góp phần nâng cao đời sống, khuyến khích người có năng lực, trình độ phát huy khả năng sáng tạo trong công việc để được hưởng thu nhập theo kết quả hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, các cơ quan đã đề ra các biện pháp thiết thực nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như quy chế sử dụng ô tô, khoán văn phòng phẩm, khoán tiền điện thoại tại công sở... từ đó tăng chất lượng công tác chuyên môn; có kinh phí tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ công chức và người lao động.

- Cơ chế tự chủ đã trao quyền tự quyết định tổ chức, sắp xếp bộ máy cho thủ trưởng đơn vị, góp phần thúc đẩy sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường giám sát của cán bộ, công chức trong sử dụng kinh phí. Tạo động lực để cán bộ, công chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Cán bộ, công chức và người lao động được tạo điều kiện để phát huy tính dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện quyền giám sát trong thực thi công vụ và thực hành tiết kiệm chống lãng phí, hạn chế việc sử dụng trang thiết bị của cơ quan cho mục đích cá nhân, tham gia đóng góp ý kiến đối với quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản của đơn vị. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng trên cơ sở định mức chi, chế độ tài chính hiện hành và khả năng tài chính của đơn vị; đảm bảo tăng cường công tác quản lý tài chính, giám sát chi tiêu, minh bạch mọi nguồn thu, chi tại đơn vị.

2. Một số khó khăn, tồn tại

2.1. Về đối tượng thực hiện

Theo số liệu tổng hợp báo cáo, ở trung ương không phải tất cả các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính chung theo quy định tại Nghị định số 130, Nghị định số 117. Một số cơ quan nhà nước ở trung ương được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tài chính đặc thù: Một số cơ quan áp dụng cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập, một số cơ quan được thực hiện đặc thù về chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm cao hơn so với các cơ quan nhà nước thực hiện theo cơ chế tài chính chung tại Nghị định số 130, Nghị định số 117. Theo đó, chưa đảm bảo việc thực hiện đồng bộ về việc cơ chế tài chính chung giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Tại địa phương, việc thực hiện cơ chế tự chủ của Ủy ban nhân dân cấp xã còn hạn chế.

2.2. Về cơ sở giao tự chủ, giao khoán kinh phí

2.2.1. Đối với kinh phí ngân sách nhà nước cấp

- Đối với cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Kinh phí giao thực hiện tự chủ, giao khoán được xác định theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Tuy nhiên đến nay nhiều cơ quan đơn vị vẫn chưa được phê duyệt đề án vị trí việc làm; việc giao kinh phí tự chủ vẫn dựa vào biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

+ Kinh phí giao tự chủ căn cứ vào định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên; tuy nhiên, định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính ở trung ương và địa phương trong các giai đoạn đã được điều chỉnh tăng nhưng không được điều chỉnh tăng nhiều, trong khi giá cả thị trường thực tế đều tăng qua các năm. Mặt khác, đối với các Bộ, cơ quan trung ương việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên theo định mức căn cứ vào tổng biên chế của Bộ, cơ quan mà không căn cứ vào đặc thù về bộ máy tổ chức nên dẫn đến thực tế là Bộ, cơ quan nào có nhiều đơn vị trực thuộc hoặc trụ sở làm việc của các đơn vị trực thuộc phân tán sẽ gặp khó khăn trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo định mức; vì chi phí hoạt động đảm bảo bộ máy chiếm tỷ trọng khá lớn nên phân kinh phí để sử dụng cho hoạt động chuyên môn hạn hẹp, khó tiết kiệm được kinh phí giao tự chủ.

+ Phần lớn các cơ quan quản lý hành chính đều không có nguồn thu khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngoài ra theo quy định còn phải tiết kiệm

10% kinh phí hoạt động thường xuyên làm nguồn cải cách tiền lương, nên các cơ quan gặp nhiều khó khăn về kinh phí thực hiện nhiệm vụ, khó có khả năng tiết kiệm kinh phí; do đó nhiều đơn vị có kinh phí tiết kiệm nhưng quá ít nên không thể chi thu nhập tăng thêm mặc dù đã sử dụng kinh phí hết sức tiết kiệm. Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao hầu hết còn thấp (5-6%/năm).

- Đối với ủy ban nhân dân cấp xã: Nghị định số 117 quy định giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ trên cơ sở quỹ tiền lương, định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên, tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc triển khai cơ chế tự chủ tại cấp xã còn hạn chế.

2.2.2. Đối với nguồn thu phí được để lại theo quy định

Nghị định số 130, Nghị định số 117 quy định kinh phí giao tự chủ bao gồm nguồn thu phí được để lại để phục vụ hoạt động thu phí. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định nguồn thu phí được để lại để chi cho các nội dung tự chủ, không tự chủ của cơ quan nhà nước; đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ theo quy định của Chính phủ. Quy định này đã tạo thuận lợi cho các cơ quan trong việc chủ động sử dụng nguồn thu phí được để lại, cơ quan có nguồn thu phí được để lại sẽ có điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ hơn; tuy nhiên, các cơ quan tài chính lại gặp khó khăn trong việc xác định kinh phí bố trí cho các cơ quan này từ nguồn dự toán chi ngân sách nhà nước (NSNN) do không tách bạch được kinh phí bố trí từ NSNN đảm bảo hoạt động thường xuyên và kinh phí được để lại từ nguồn thu phí để phục vụ công tác thu.

2.3. Về tự chủ trong việc quyết định mức chi

- Cơ chế tự chủ cho phép thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi tiêu trong phạm vi kinh phí được giao; tuy nhiên một số tiêu chuẩn định mức chi quy định cần tuân thủ theo mức chi chung thống nhất trong phạm vi cả nước, trong khi giá cả thị trường luôn biến động và định mức Nhà nước ban hành chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế; do vậy trong một số trường hợp, các cơ quan chưa thật sự chủ động trong việc quyết định mức chi.

- Mặc dù Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định: Trường hợp các hoạt động đặc thù chưa được quy định tại các văn bản pháp luật thì thủ trưởng cơ quan được vận dụng quyết định mức chi tương ứng với các công việc của các lĩnh vực tương tự đã quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; tuy nhiên, các Bộ, địa phương phản ánh nội dung này chưa triển khai được trong thực tế vì việc tìm hiểu, xác định nội dung, mức chi của các lĩnh vực tương tự để thực hiện là rất khó khăn, không đảm bảo cơ sở pháp lý vững chắc để thủ trưởng cơ quan có thể quyết định.

2.3. Về quản lý biên chế

- Hàng năm các địa phương đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế, tuy nhiên việc giải quyết lao động dôi dư còn khó khăn. Các chế độ chính sách để thực hiện giải quyết lao động dôi dư ban hành chưa kịp thời. Lao động dôi dư, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ song đơn vị vẫn phải trả đủ chế độ, chưa có lộ trình kế hoạch cụ thể. Công tác quản lý biên chế đã có thay đổi nhưng thực sự vẫn chưa triệt để. Hiệu quả trong việc tự chủ về tổ chức bộ máy và biên chế chưa cao.

- Theo Nghị định số 130, Nghị định 117: “cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được quyền chủ động trong việc sử dụng biên chế”, cụ thể: được quyết định việc sắp xếp, phân công cán bộ, công chức theo vị trí việc làm để bảo đảm hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan cơ quan, được điều động cán bộ, công chức trong nội bộ cơ quan và trong trường hợp sử dụng biên chế thấp hơn so với chỉ tiêu được giao thì vẫn được bảo đảm kinh phí quản lý hành chính theo chỉ tiêu biên chế được giao. Hiện nay, các quy định về chế độ công chức, công vụ, xác định vị trí việc làm gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu công chức theo ngạch đang ngày càng được hoàn thiện; do vậy, khi các cơ quan đã xác định rõ các vị trí việc làm, xác định đúng, đủ biên chế công chức cần thiết để đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ được giao và tổ chức tuyển dụng đủ biên chế thì không còn tình trạng thừa biên chế để tiết kiệm chi và tăng thu nhập cho cán bộ công chức. Đồng thời, biên chế được giao ngày càng giảm theo lộ trình nên sát với số lượng biên chế có mặt thực tế, do đó gây khó khăn trong việc tiết kiệm kinh phí để chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

2.4. Về phân phối, sử dụng kinh phí tiết kiệm

Cơ chế tự chủ quy định chi trả thu nhập tăng thêm theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc từng bộ phận trực thuộc). Tuy vậy, theo phản ánh của các Bộ, địa phương, đa số các cơ quan chưa xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; việc trả thu nhập tăng thêm căn cứ vào mức bình bầu và còn mang tính hình thức.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, khó khăn

3.1 Nguyên nhân khách quan

Tổng hợp báo cáo của các Bộ, địa phương hàng năm:

- Việc thực hiện cơ chế tài chính chung đối với cơ quan hành chính Nhà nước theo Nghị định số 130, Nghị định số 117 không đồng bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước do một số văn bản pháp luật khác của cấp có thẩm quyền đã quy định cho phép thực hiện cơ chế tài chính đặc thù đối với một số cơ quan nhà nước khác so với Nghị định số 130.

- Quỹ tiền lương và kinh phí giao tự chủ tính giảm tuyệt đối theo số biên chế được giao giảm hàng năm do thực hiện chủ trương tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy nên chưa khuyến khích việc tinh giản biên chế, giảm ý nghĩa của cơ chế giao khoán kinh phí.

- Việc không thống nhất một phương thức giao kinh phí tự chủ đối với ủy ban cấp xã khiến các địa phương lúng túng trong triển khai thực hiện nên chưa mạnh dạn thực hiện Nghị định số 130, Nghị định số 117 đối với ủy ban nhân dân cấp xã.

- Việc mở rộng quyền quyết định mức chi của Bộ trưởng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định mức chi cao hơn mức chi do Nhà nước ban hành các địa phương thực hiện còn hạn chế nên một số trường hợp cần quyết định để triển khai nhanh đáp ứng nhu cầu công việc nhưng không thực hiện được, làm hạn chế hiệu quả của công việc.

- Việc chi quy định các nội dung chi thu nhập tăng thêm, chi khen thưởng, phúc lợi từ nguồn kinh phí tiết kiệm mà không quy định việc trích quỹ cho các nội dung này chưa đáp ứng được thực tế của các cơ quan (một số Bộ, địa phương như Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, UBND tỉnh Quảng Bình, Sở Tài chính Nam Định... phản ánh cần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi cho các nội dung khen thưởng đột xuất, chi phúc lợi trong năm).

- Nguồn lực từ ngân sách nhà nước có hạn nên định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính được điều chỉnh không nhiều trong thời gian qua, làm hạn chế nguồn kinh phí giao khoán, giao tự chủ của các cơ quan.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Do chưa triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm nên việc giao khoán kinh phí căn cứ theo biên chế được giao hàng năm; trong khi biên chế có xu hướng ngày càng giảm nên làm giảm tính tích cực và ý nghĩa của cơ chế tự chủ.

- Một số cơ quan xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ còn sơ sài, chưa sát với yêu cầu quản lý, chi tiêu hoạt động thường xuyên hàng ngày của đơn vị mình nên còn lúng túng, chưa chủ động phát huy quyền được tự chủ quyết định mức chi, nội dung chi để thực hiện nhiệm vụ.

- Cơ chế tự chủ đã giao quyền cho các Bộ, địa phương xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để căn cứ trả thu nhập tăng thêm theo kết quả hoàn thành nhiệm vụ nhưng các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chưa chủ động, quyết liệt thực hiện nên việc chi trả thu nhập tăng thêm còn cào bằng, chưa khuyến khích người có năng lực, trình độ phát huy khả năng lao động, sáng tạo trong công việc để được hưởng thu nhập theo kết quả hoàn thành nhiệm vụ.

4. Một số kiến nghị của các Bộ, địa phương:

- Kiến nghị Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 130, Nghị định số 117 để đảm bảo thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành như: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phí và Lệ phí; định mức phân bổ kinh phí quản lý hành chính,...

- Cần rà soát, điều chỉnh văn bản quy định theo hướng mở rộng quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị, giao cho Thủ trưởng đơn vị có quyền quyết định và chịu trách nhiệm đối với một số khoản chi ngoài định mức quy định hiện hành trong khuôn khổ quy định của pháp luật, thẩm quyền được giao và nguồn kinh phí được cấp.

IV. Về định hướng giai đoạn 2026-2030:

1. Các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước hiện nay:

a. Chủ trương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp:

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra chủ trương: *“Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan”*.

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt ra mục tiêu, yêu cầu: *“Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”*.

- Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025 (Kết luận số 155-KL/TW).

b. Chủ trương về cải cách chính sách tiền lương của hệ thống chính trị:

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: (i) *Từ năm 2021, áp dụng chế độ tiền lương mới thống nhất đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn bộ hệ thống chính trị; (ii) Bãi bỏ các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước như: Tiền bồi dưỡng hợp; tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án; hội thảo... Thực hiện khoán quỹ lương gắn với mục tiêu tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị. Mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ.*

- Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024: *Việc triển khai thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập nên cần rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo, toàn diện; đồng thời, phải sửa đổi, bổ sung rất nhiều các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước để trình Trung ương xem xét, điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 27-NQ/TW cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Từ tình hình trên và căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW, Bộ Chính trị giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ thực hiện cải*

cách tiền lương khu vực công theo lộ trình, từng bước, hợp lý, thận trọng, khả thi.

c. Chủ trương sửa đổi tổng thể, toàn diện Luật Ngân sách nhà nước.

- Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng: *“Đổi mới phân cấp NSNN, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương”.*

- Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 có nêu: *“Nghiên cứu, sửa đổi Luật NSNN và các văn bản pháp luật liên quan phù hợp với thực tiễn theo hướng đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách, cơ bản khắc phục tình trạng lồng ghép trong quản lý NSNN, tăng vai trò chủ đạo của NSTW; đẩy mạnh phân cấp, khuyến khích các địa phương sáng tạo, tăng thu, huy động các nguồn lực phát triển KT-XH trên địa bàn, tạo sự chủ động và tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương trong việc quyết định, sử dụng ngân sách. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách đối với các cơ quan, đơn vị, nhất là đối với các cơ quan, đơn vị có cơ chế tài chính, ngân sách đặc thù”.*

- Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2022 giao Chính phủ *“sớm nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật NSNN và các văn bản pháp luật có liên quan để đổi mới cơ chế phân cấp NSNN, cơ bản khắc phục tình trạng lồng ghép trong quản lý NSNN, tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW, đồng thời nâng cao tính chủ động cho các địa phương”.*

- Kết luận số 97/KL-TW ngày 5/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về hội nghị lần thứ 10 khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2024-2025 *“tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu chi NSNN, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; khẩn trương thực hiện Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan, nhất là cho đầu tư phát triển”.*

- Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV giao Chính phủ *“chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật NSNN báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 theo kết luận của Bộ Chính trị, các nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”.*

- Thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước nêu trên, hiện nay Bộ Tài chính đã chủ trì xây dựng Luật NSNN theo hướng sửa đổi tổng thể, toàn diện (thay thế Luật NSNN năm 2015), đang trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9 năm 2025. Theo đó, dự thảo Luật sửa đổi đã cụ thể hóa chủ trương đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, đảm bảo công khai, minh bạch; triệt để thực hiện phân cấp, phân quyền trong việc xây dựng cơ chế, chính sách thu, chi NSNN; xóa bỏ cơ chế xin – cho, phát sinh tiêu cực, thủ tục hành chính trong công tác quản lý, phân bổ NSNN.

2. Định hướng sửa đổi Nghị định số 130, Nghị định số 117:

Trên cơ sở kết quả tổng kết giai đoạn trước và chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước giai đoạn 2026-2030, sau khi Luật NSNN sửa đổi được thông qua Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá đề trình Chính phủ xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 130, Nghị định số 117 về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính giai đoạn 2026-2030 cho phù hợp với thực tế yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới, trong đó:

a. Tiếp tục kế thừa ưu điểm của cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ giai đoạn trước để tiếp tục triển khai trong giai đoạn tới.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung mở rộng nội dung, đối tượng khoán kinh phí cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong việc sử dụng ngân sách để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, công việc đáp ứng tiến độ, chất lượng.

b. Bám sát các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành trung ương về cải cách chính sách tiền lương (Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương) và chủ trương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025, Kết luận số 129-KL/TW ngày 10/3/2025 của Bộ Chính trị...).

- Tiếp tục tăng cường thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, gắn với tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho các cấp chính quyền địa phương theo đúng định hướng, chủ trương của Đảng, Nhà nước “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

- Cập nhật bỏ mô hình chính quyền địa phương cấp huyện, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; nghiên cứu mô hình hoạt động của chính quyền cấp xã mới để có kiến nghị, đề xuất phù hợp.

c. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và nội dung sửa đổi, bổ sung toàn diện các văn bản pháp luật như: Luật Ngân sách nhà nước; Luật phí, lệ phí..., trên cơ sở kế thừa, phát triển các quy phạm pháp luật còn phù hợp tại Nghị định số 130, Nghị định số 117.

- Luật NSNN sửa đổi theo hướng các khoản thu phí của cơ quan hành chính nhà nước thực hiện nộp toàn bộ vào NSNN, NSNN bố trí dự toán để đảm bảo chi phí phục vụ công tác thu phí. Theo đó sẽ sửa đổi, hoàn thiện quy định tại Nghị định số 130, Nghị định số 117 về nguồn kinh phí của cơ quan hành chính nhà nước cho đồng bộ với quy định của pháp luật về NSNN.

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến trách nhiệm của các cấp ngân sách trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính thực hiện khoán chi cho phù hợp với phân cấp trách nhiệm về lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng NSNN trong Luật NSNN sửa đổi./.